

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	FPT	101.111.849	99.445.183
2	HPG	327.982.724	318.649.391
3	MBB	325.248.583	315.915.250
4	MSN	54.267.121	52.044.899
5	MWG	73.647.577	70.536.466
6	SHB	343.188.572	335.688.572
7	STB	131.441.768	129.298.911
8	TCB	312.784.971	307.784.971
9	VIB	143.402.142	133.402.142
10	VNM	52.590.341	50.447.484
11	VPB	333.117.445	326.450.779

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 18/09/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	404.112.688
2	FPT	1.714.326.422	1.379.518.471	137.951.847	99.445.183
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	353.530.543
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	318.649.391
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707

6	MBB	9.263.249.895	4.196.252.202	419.625.220	315.915.250
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	52.044.899
8	MWG	1.475.694.086	1.104.261.884	110.426.188	70.536.466
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	335.688.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	177.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	129.298.911
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	307.784.971
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	211.241.424
15	VIB	3.404.005.710	1.859.608.319	185.960.831	133.402.142
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.205.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	50.447.484
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	326.450.779
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	59.249.782